



HỘI KIỂM SOÁT NHIỄM KHUẨN THỪA THIÊN HUẾ THUA THIEN HUE SOCIETY OF INFECTION CONTROL

ĐÁNH GIÁ SỰ TUÂN THỦ THỰC HÀNH VỆ SINH TAY CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ - CƠ SỞ 2

TRẦN THỊ THUỶ PHƯƠNG, NGUYỄN THÀNH HUY,
ĐẶNG NHƯ PHỒN, LÊ VĂN BÌNH, HOÀNG THỊ ANH THỊ



NỘI DUNG

- I. Đặt vấn đề
- II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu
- III. Kết quả nghiên cứu
- IV. Bàn luận
- V. Kết luận





Đặt vấn đề



I. Đặt vấn đề

Tỷ lệ nhiễm khuẩn thay đổi tùy theo từng bệnh viện, càng ở bệnh viện tuyến trên, nơi có nhiều can thiệp thủ thuật, phẫu thuật thì nguy cơ nhiễm khuẩn càng lớn.

Việc tuân thủ vệ sinh tay được coi như là một yêu cầu cơ bản trong quá trình thực hành chăm sóc người bệnh, đồng thời cũng là biện pháp đơn giản, hiệu quả nhất để phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện, bảo đảm an toàn cho người bệnh và nhân viên y tế.

Bệnh viện Trung ương Huế - cơ sở 2 thường xuyên tiến hành các thủ thuật, phẫu thuật phức tạp nên yêu cầu vệ sinh tay càng đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt.

→ Tiến hành nghiên cứu đề tài này nhằm: *“Đánh giá sự tuân thủ thực hành vệ sinh tay của nhân viên y tế tại bệnh viện Trung ương Huế cơ sở 2.”*



Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu: Tất cả nhân viên y tế đang thực hành các công việc chăm sóc liên quan đến người bệnh gồm: Bác sĩ, Điều dưỡng/Kỹ thuật viên/Nữ hộ sinh, Hộ lý.

2. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang, quan sát - mô tả.

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian quan sát: Từ 01/01/2023 - 31/03/2023
- Địa điểm quan sát: Tại 7 khoa lâm sàng của Bệnh viện Trung ương Huế cơ sở 2.

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.2. Phương thức thu thập dữ liệu:

- Quan sát thực hành tại chỗ, đánh giá từng cơ hội cần vệ sinh tay và sự tuân thủ theo mẫu thiết kế của WHO 2010.

- Xác định tỉ lệ tuân thủ vệ sinh tay: Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay (%) = $\frac{\text{Số cơ hội tuân thủ vệ sinh tay}}{\text{Số cơ hội cần vệ sinh tay}} \times 100$

2.3. Phương pháp xử lý số liệu:

- Xử lý số liệu bằng phần mềm Excel và SPSS.

7



Kết quả nghiên cứu

III. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Đối tượng	n	%
ĐD/KTV/NHS	127	80,9
Hộ lý	16	10,2
Bác sĩ	14	8,9
Tổng	157	100

Nhận xét: Trong số các đối tượng được quan sát, Điều dưỡng/Kĩ thuật viên/Nữ hộ sinh (ĐD/KTV/NHS) chiếm đa số (80,9%).

III. Kết quả nghiên cứu

3.2. Đánh giá tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế

Bảng 2. Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay theo đối tượng

Đối tượng	Tuân thủ VST		Tổng	p
	Có	Không		
ĐD, KTV, NHS	925 (94,2%)	57 (5,8%)	982 (82,7%)	<0,05
Bác sĩ	109 (90,1%)	12 (9,9%)	121 (10,2%)	
Hộ lý	75 (88,2%)	10 (11,8%)	85 (7,1%)	
Tổng	1109 (93,4%)	79 (6,6%)	1188 (100%)	

Nhận xét: Trong tổng số cơ hội VST quan sát được, ĐD/KTV/NHS là nhóm chiếm phần lớn các cơ hội VST (82,7%). Đây cũng là nhóm có tỷ lệ tuân thủ VST cao nhất (94,2%), tiếp theo là bác sĩ (90,1%) và thấp nhất là nhóm Hộ lý (88,2%). Sự khác biệt về tỷ lệ tuân thủ VST trên các đối tượng nghiên cứu có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

III. Kết quả nghiên cứu

3.2. Đánh giá tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế

Bảng 3. Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay theo khoa phòng

Khoa, phòng	Tuân thủ VST		Tổng	p
	Có	Không		
Ngoại CTCH - TKS	65 (95,6%)	3 (4,4%)	68 (5,7%)	>0,05
Ngoại TH	277 (94,5%)	16 (5,5%)	293 (24,7%)	
Ung Bướu	61 (93,8%)	4 (6,2%)	65 (5,5%)	
HSTC - CD	194 (93,3%)	14 (6,7%)	208 (17,5%)	
Nội TM - LK	153 (93,3%)	11 (6,7%)	164 (13,8%)	
LCK	87 (92,6%)	7 (7,4%)	94 (7,9%)	
Nội NT - TK - HH	272 (91,9%)	24 (8,1%)	296 (24,9%)	
Tổng	1109 (93,4%)	79 (6,6%)	1,188 (100%)	

Nhận xét: Trong tổng số cơ hội VST quan sát được, khoa Nội Nội tiết - Thần kinh hô hấp (NT - TK - HH) chiếm đến 24,9%, tiếp theo là Ngoại tổng hợp (Ngoại TH) 24,7% và Hồi sức tích cực - Chống độc (HSTC - CD) 17,5%. Tỷ lệ tuân thủ VST cao nhất lại là khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình - Thần kinh sọ não (CTCH - TKS) 95,6%, tiếp theo là khoa Ngoại TH (94,5%), khoa HSTC - CD (93,3%). Sự khác biệt về tỷ lệ tuân thủ VST tại các khoa phòng không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

III. Kết quả nghiên cứu

3.2. Đánh giá tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế

Bảng 4. Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay theo từng thời điểm

Thời điểm	Tuân thủ VST		Tổng	p
	Có	Không		
Sau khi tiếp xúc với người bệnh	378 (94,0%)	24 (6,0%)	402 (33,8%)	<0,05
Trước khi tiếp xúc với người bệnh	362 (94,3%)	22 (5,7%)	384 (32,3%)	
Trước khi thực hiện một thủ thuật vô trùng	290 (97,0%)	9 (3,0%)	299 (25,2%)	
Sau khi có nguy cơ tiếp xúc/tiếp xúc với máu, dịch cơ thể của người bệnh	51 (82,3%)	11 (17,7%)	62 (5,2%)	
Sau khi tiếp xúc với vật dụng, bề mặt xung quanh người bệnh	28 (68,3%)	13 (31,7%)	41 (3,5%)	
Tổng	1109 (93,4%)	79 (6,6%)	1,188 (100%)	

Nhận xét: Trong tổng số cơ hội VST quan sát được, cơ hội VST sau khi tiếp xúc với NB chiếm tỷ lệ cao nhất (33,8%), thấp nhất là thời điểm sau khi tiếp xúc với vật dụng, bề mặt xung quanh người bệnh (3,5%). Tỷ lệ tuân thủ VST cao nhất lại là thời điểm trước khi thực hiện một thủ thuật vô trùng (97%) và thấp nhất sau khi tiếp xúc với vật dụng, bề mặt xung quanh NB (68,3%). Sự khác biệt về tỷ lệ tuân thủ VST tại các thời điểm có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

III. Kết quả nghiên cứu

3.2. Đánh giá tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế

Bảng 5. Tỷ lệ sử dụng phương pháp vệ sinh tay của nhân viên y tế

	n	%
Sát khuẩn tay nhanh bằng dung dịch chứa cồn	1043	94
Rửa tay thường quy bằng xà phòng và nước	66	6
Tổng	1109	100

Nhận xét: Phương pháp sát khuẩn tay nhanh bằng dung dịch chứa cồn chiếm tỉ lệ chủ yếu (94%).

13

IV

Bàn luận

IV. Bàn luận

4.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Trong tổng số 157 NVYT được quan sát, ĐD/KTV/NHS chiếm tỉ lệ cao nhất (80,9%), thấp nhất là hộ lý (7,2%).

Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Nguyễn Thị Bông cùng cộng sự: Điều dưỡng là chủ yếu chiếm 69,15%; bác sĩ 18,46%; kỹ thuật viên và hộ lý tỷ lệ bằng nhau 1,93%; nữ hộ sinh 8,54% và nghiên cứu của Vũ Ngọc Anh cùng cộng sự: ĐD/NHS (60,7%) gấp 4,1 lần so với Bác sĩ (14,9%).

Điều này là hợp lý vì tính chất công việc của ĐD/NHS chăm sóc và thường trực hàng ngày nên thường xuyên có mặt, bác sĩ thường khám bệnh, điều trị buổi sáng và khi làm thủ thuật ít gặp hơn so với điều dưỡng.

15

IV. Bàn luận

4.2. Sự tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế

Trong tổng số cơ hội VST quan sát được (bảng 2), ĐD/KTV/NHS là nhóm chiếm phần lớn số cơ hội VST (82,7%).

Kết quả này cũng được tìm thấy trong nghiên cứu của Lê Cẩm Dung cùng cộng sự.

Với tỷ lệ tuân thủ VST cao nhất là nhóm ĐD/KTV/NHS (94,2%), tiếp theo là bác sĩ (90,1%) và thấp nhất là nhóm Hộ lý (88,2%). Kết quả này có sự tương đồng với nghiên cứu của Tạ Thị Thành và nghiên cứu của Trần Hữu Luyện cùng cộng sự.

Nghiên cứu của Vũ Ngọc Anh và nghiên cứu của Lê Cẩm Dung cùng cộng sự cũng chỉ ra nhóm ĐD/KTV/NHS có tỷ lệ tuân thủ cao nhất và cao hơn Bác sĩ.

16

IV. Bàn luận

4.2. Sự tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế

Với tổng số cơ hội VST quan sát được tại 7 khoa (bảng 3) thì khoa Nội NT - TK - HH chiếm đến 24,9%, khoa Ngoại TH 24,7% và HSTC - CD 17,5%. Kết quả này cũng được tìm thấy trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Bông cùng cộng sự: khoa Nội chiếm đến 30,58%, tiếp theo là khoa Ngoại 19,56%.

Tỷ lệ tuân thủ VST cao nhất là khoa Ngoại CTCH - TKS (95,6%) tiếp theo là khoa Ngoại TH (94,5%), khoa HSTC - CD (93,3%). Kết quả tương tự với nghiên cứu của Vũ Ngọc Anh cùng cộng sự: khoa HSTC - CD và khoa Ngoại có tỷ lệ tuân thủ VST cao.

17

IV. Bàn luận

4.2. Sự tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế

Trong 5 thời điểm VST của WHO (bảng 4), cơ hội VST tại thời điểm sau khi tiếp xúc với NB chiếm tỉ lệ cao nhất (33,8%), thời điểm sau khi tiếp xúc với vật dụng, bề mặt xung quanh người bệnh là thấp nhất (3,5%).

Kết quả có sự tương đồng với nghiên cứu của Phan Thị Lụa và Hoàng Thị An Hà nghĩa là thời điểm sau khi tiếp xúc với NB cũng có số cơ hội VST cao và thời điểm sau khi tiếp xúc với vật dụng, bề mặt xung quanh NB là thời điểm có số cơ hội VST thấp nhất.

Tỷ lệ tuân thủ VST cao nhất là thời điểm trước khi thực hiện một thủ thuật vô trùng (97%), thấp nhất vào thời điểm sau khi tiếp xúc với vật dụng, bề mặt xung quanh NB (68,3%). Kết quả này cũng được tìm thấy trong nghiên cứu của Vũ Ngọc Anh và cộng sự.

Theo nghiên cứu của Phan Thị Lụa và Hoàng Thị An Hà cũng chỉ ra tỉ lệ tuân thủ VST đạt cao nhất tại thời điểm trước khi làm thủ thuật vô khuẩn (54,9%).

18

IV. Bàn luận

4.3. Một số yếu tố liên quan đến sự tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế

Kết quả của bảng 2 chỉ ra các đối tượng nghiên cứu có mối liên quan đến việc tuân thủ VST ($p < 0,05$).

Kết quả này cũng được tìm thấy trong nghiên cứu của nghiên cứu của Tạ Thị Thành và cộng sự.

Một yếu tố khác mà nghiên cứu xác định là vai trò của hệ thống phân cấp y tế, trong đó hành vi VST của bác sĩ cấp dưới bị ảnh hưởng bởi hình mẫu của bác sĩ cấp cao trong nhóm.

Điều này cho thấy rằng thực hành VST cá nhân bị ảnh hưởng đáng kể bởi sự quan sát của một người đối với thái độ của người khác đối với nó.

Nghiên cứu chỉ ra có sự khác biệt về tỷ lệ tuân thủ VST tại các thời điểm VST ($p < 0,05$) (bảng 4) với sự tuân thủ VST cao nhất là thời điểm trước khi thực hiện một thủ thuật vô trùng và thấp nhất vào thời điểm sau khi tiếp xúc với vật dụng, bề mặt xung quanh NB.

19

IV. Bàn luận

4.3. Một số yếu tố liên quan đến sự tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế

Điều này cho thấy NVYT đang chú ý VST ở những thời điểm có nguy cơ lây nhiễm rõ ràng, có thể dẫn đến hậu quả xấu đối với người bệnh hoặc chính bản thân họ và ở những cơ hội mà nguy cơ lây nhiễm không thấy rõ, sự tuân thủ ít hơn, từ đó sẽ tiềm ẩn mối nguy cơ lây nhiễm chéo giữa các người bệnh với nhau do bàn tay của NVYT.

Trong hai phương pháp VST (bảng 5) thì phương pháp sát khuẩn tay nhanh bằng dung dịch chứa cồn chiếm tỉ lệ chủ yếu (94%). Kết quả có sự tương đồng với nghiên cứu của Trần Hữu Luyện và cộng sự.

Lý giải sự khác biệt này là do sự tiện dụng của phương pháp mang lại, không cần lau khô tay sau khi sử dụng, có thể mang theo khi làm chuyên môn, không gây kích ứng da, mất ít thời gian thực hiện, hiệu lực diệt khuẩn tốt.

20



Kết luận

V. Kết luận

Có mối liên quan giữa đối tượng nghiên cứu và thời điểm vệ sinh tay với việc tuân thủ vệ sinh tay.

Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay cao tập trung ở các nhóm sau: Điều dưỡng/Kĩ thuật viên/Nữ hộ sinh (94,2%), khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình - Thần kinh sọ não (95,6%) và thời điểm trước khi thực hiện một thủ thuật vô trùng (97%).

Phương pháp sát khuẩn tay nhanh bằng dung dịch chứa cồn được sử dụng phổ biến nhất (94%).



CẢM ƠN QUÝ VỊ ĐẠI BIỂU
ĐÃ LẮNG NGHE
